

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Phong Phú

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Phong Phú tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định Báo cáo ĐTM ngày 10/8/2021;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 26/CV-PP ngày 14/9/2021 của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Phong Phú;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 769/TTr-STNMT ngày 20/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Phong Phú

(sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Phong Phú

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án (có Phụ lục kèm theo) tại UBND xã Bình Hòa theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do hoạt động Dự án gây ra.

4. Trường hợp Dự án triển khai sau thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM, Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Phong Phú phải lập lại Báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Giao UBND huyện Tây Sơn, UBND xã Bình Hòa phối hợp giám sát việc khai thác của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Phong Phú đúng theo các cam kết trong Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.

Điều 4. Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Hòa;
- Công ty TNHH Tư vấn XD Phong Phú;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

- Khu vực phụ trợ phía Nam (nằm trong khu vực mỏ), diện tích khoảng 875 m² để bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe và bãi lưu chứa tạm đá thải diện tích khoảng 200 m².

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn khai thác

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

- Các tác động liên quan đến chất thải: bụi, ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi tiêu thụ; nước mưa chảy tràn (lấn bùn đất).

- Các tác động không liên quan đến chất thải: quá trình khai thác gây nguy cơ sạt lở, ảnh hưởng đến khu vực hạ lưu mỏ.

2.2. Quy mô, tính chất nước thải

- Nước thải sinh hoạt: khoảng 0,72 m³/ngày có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 6.778,8 m³/ngày (được tính cho ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn 4,9 ha).

2.3. Quy mô, tính chất của bụi

Bụi thải phát sinh trong quá trình khai thác và vận chuyển đất đến các công trình thực hiện san lấp.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 5 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Đá thải phong hóa phát sinh trong quá trình khai thác khoảng 140 m³.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại phát sinh tại khu vực mỏ

- Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã CTNH: 18 02 01): khoảng 10 kg/năm.

- Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã CTNH: 16 01 06): khoảng 02 kg/năm.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác: không có.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động.

b) Xử lý nước mưa chảy tràn

- Mương thu gom nước mưa chảy tràn xung quanh khu mỏ (kích thước: dài 820 m x rộng 2,0 m x sâu 1,0 m) và hệ thống mương dẫn nước sau xử lý từ hồ lắng ra nguồn tiếp nhận (kích thước: dài 100 m x rộng 1,5 m x sâu 1,0 m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hồ lắng phía Tây Bắc (tọa độ: 1.540.266; 578.926), thể tích khoảng 630 m³ (kích thước: dài 30 m x rộng 7 m x sâu 3 m); hồ lắng phía Đông Bắc (tọa độ: 1.540.351; 579.103), thể tích khoảng 220 m³ (kích thước: dài 22 m x rộng 5 m x sâu 2 m); hồ lắng phía Đông Nam (tọa độ: 1.540.197; 579.175), thể tích khoảng 160 m³ (kích thước: dài 16m x rộng 5m x sâu 2m). Các hồ lắng được thiết kế 02 ngăn và được gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom, xử lý

+ Nước mưa chảy tràn phía Tây khu mỏ → mương thu gom → hồ lắng phía Tây Bắc → mương dẫn nước (dài khoảng 20 m) → rãnh thoát nước hiện trạng phía Tây Bắc → suối cạn phía Bắc.

+ Nước mưa chảy tràn phía Đông Bắc khu mỏ → mương thu gom → hồ lắng phía Đông Bắc → mương dẫn nước (dài khoảng 20 m) → rãnh thoát nước hiện trạng phía Đông Bắc → suối cạn phía Bắc.

+ Nước mưa chảy tràn phía Đông Nam khu mỏ → mương thu gom → hồ lắng phía Đông Nam → mương dẫn nước (dài khoảng 60 m) → mương bê tông dọc tuyến đường dân sinh.

Nước mưa chảy tràn sau xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$).

3.2. Về xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đất từ Dự án đến công trình san lấp (đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng; phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để rơi vãi.

- Vệ sinh bánh xe khi ra khỏi khu mỏ (mương rửa bánh xe phía Nam mỏ, kích thước: dài 4 m x rộng 3 m x cao 0,5 m), vệ sinh tuyến đường vận chuyển từ mỏ đến công trình san lấp.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực phụ trợ để thu gom và xử lý theo quy định.

- Đá thải phát sinh từ quá trình khai thác được tận dụng một phần để gia cố công trình hồ lắng, lượng đá thừa được thu gom về bãi lưu chứa tạm phục vụ gia cố tuyến đường đất ngoài khu vực mỏ.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại có dán nhãn và thực hiện lưu chứa theo quy định; hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý.

3.5. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường với các nội dung sau

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
1.	Cắm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	03 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi triển khai dự án và giữ lại sau khi kết thúc khai thác
2.	San gạt mặt bằng mỏ	4.623 m ³	Tạo bề mặt bằng phẳng, thoải về phía Đông và Tây thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm
3.	San lấp mương thoát nước và hồ lắng, tháo dỡ rọ đá	261,2 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm
4.	Tháo dỡ cống thoát nước	6,15 tấn		Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
5.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	15 m ²		
6.	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực Dự án	4,9 ha	Phủ xanh khu vực khai thác	Thực hiện sau khi kết thúc san gạt mặt bằng từng năm khai thác
7.	Đo vẽ địa hình khu mỏ	4,9 ha	Giám sát chiều sâu khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng từng năm khai thác
8.	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ngoài khu vực mỏ	180 m ³	Đảm bảo kết cấu tuyến đường phục vụ cho hoạt động vận chuyển	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày trước khi khai thác và sau khi kết thúc dự án

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **460.742.000 đồng** (Bốn trăm sáu mươi triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng chẵn).

- Số lần ký quỹ: 03 lần; thực hiện lý quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 115.186.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Các lần còn lại, số tiền: 172.778.000 đồng/lần ký quỹ; thời điểm ký quỹ: trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

3.6. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

Thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó để đảm bảo giảm thiểu sạt lở trong quá trình khai thác.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- 03 hồ lắng 02 ngăn; hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa.
- Bãi thải tạm lưu chứa đá.
- Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.
- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. *Giám sát nước thải đầu ra tại 03 hồ lắng với các thông số: pH, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng; so sánh với cột B, QCVN 40:2011/BTNMT (hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$); tần suất giám sát: 03 tháng/lần.*

5.2. *Giám sát không khí xung quanh: thực hiện giám sát bụi lơ lửng (TSP) tại 01 điểm trên tuyến đường dân sinh; so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.*

5.3. *Giám sát lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh: tần suất giám sát: 06 tháng/lần.*

5.4. *Giám sát sự cố sạt lở, sự cố sa bồi xuống mương bê tông hiện trạng phía Nam mỏ và khu vực hạ lưu.*